

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ D
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2017/HNGĐ-ST

Ngày 15 tháng 9 năm 2017

*“V/v Yêu cầu ly hôn,
tranh chấp nuôi con ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tố Uyên.

-Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Toan.

Bà Doãn Thị Lệ.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Hồng – Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Gia Lai tham gia phiên
tòa có ông Nguyễn Đăng Khoa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Gia
Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 429/2017/TLST-
HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2017 về “Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo
quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2017 và Quyết
định hoãn phiên tòa số: 76/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị PTT – sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Tổ 7, phường T, thành phố D, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

Bị đơn: Anh TMT – sinh năm: 1981.

Địa chỉ: 11/136 Đ, thành phố D, tỉnh Gia Lai.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2017, bản tự khai, các tài liệu có tại hồ sơ
vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị PTT trình bày:

Vào tháng 3 năm 2009, chị PTT và anh TMT tự nguyện chung sống với nhau,
có tổ chức cưới, hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại
UBND phường TN, thành phố D, tỉnh Gia Lai, tại giấy chứng nhận kết hôn số: 37,
quyển số 01. Thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây
anh, chị không đồng quan điểm mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn, nên đến nay anh,
chị không thể tiếp tục sống chung được nữa. Vì vậy, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết
cho chị ly hôn với anh TMT.

Quá trình chung sống anh, chị có 01 con chung là: Cháu TPQN, sinh ngày 19/4/2010, hiện cháu N đang ở với chị T, chị T có nguyện vọng được nuôi cháu N và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh TMT trình bày tại bản tự khai:

Chị PTT làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con, anh TMT đồng ý ly hôn, anh thừa nhận quá trình chung sống với chị T, anh chị có một con chung là cháu TPQN, sinh ngày 19/4/2010, anh T đồng ý giao con chung là cháu N cho chị T nuôi dưỡng và chị T không yêu cầu cấp dưỡng anh T nhất trí.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh TMT, Tòa án đã triệu tập họp lệ anh T đến Tòa án nhân dân thành phố D tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T không đến, vì vậy việc chấp hành pháp luật của bị đơn không tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm đối với nguyên đơn. Riêng bị đơn anh TMT đã được Tòa án nhân dân thành phố tổng đạt các văn bản tố tụng họp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh T không chấp hành là vi phạm tố tụng dân sự.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp yêu cầu ly hôn, bị đơn có địa chỉ cư trú là 11/136 Đ, thành phố D, tỉnh Gia Lai, thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố D theo quy định của khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường TN, thành phố D, tỉnh Gia lai tại giấy chứng nhận kết hôn số: 37, quyển 01, ngày 30/3/2009, sau khi sống chung một thời gian thì anh, chị phát sinh mâu thuẫn. chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng anh, chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và anh T cũng thống nhất quan điểm là đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Vậy để đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của các bên; chị T yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Chị T, anh T có một con chung là cháu TPQN, sinh ngày 19/4/2010. Cháu N cũng trình bày nguyện vọng được ở với chị T và chị T, anh T đều thỏa thuận giao con chung là cháu N cho chị T nuôi là hoàn toàn có căn cứ.

- Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Tài sản riêng, chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

Từ sự phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị PTT, cho ly hôn giữa chị PTT và anh TMT.

- Chấp nhận cho chị PTT được nuôi cháu TPQN. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ pháp lệnh, án phí Tòa án buộc chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự: Chị PTT có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố D – tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con, đối với bị đơn anh TMT, có nơi cư trú 11/136 Đ, thành phố D, tỉnh Gia Lai; vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Gia Lai.

- Về quan hệ hôn nhân: Tháng 3 năm 2009, chị PTT và anh TMT tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức cưới, hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND phường TN, thành phố D, tỉnh Gia Lai, tại giấy chứng nhận kết hôn số: 37, quyển số 01. Thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây anh, chị không đồng quan điểm mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn, nên đến nay anh, chị không thể tiếp tục sống chung được nữa. Vì vậy, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh TMT.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay cả chị T, anh T đều thống nhất đến tại thời điểm này anh, chị không còn tình cảm với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, sau khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đã triệu tập anh T đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ, nhưng anh T không đến cũng như không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, bỏ mặc cho cuộc sống hôn nhân gia đình của anh, chị. Vì vậy chị PTT đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh TMT là hoàn toàn chính đáng cần được chấp nhận.

- Về con chung: Chị PTT và anh TMT trình bày trong quá trình chung sống giữa anh, chị có 01 con chung là cháu TPQN – sinh ngày 19/4/2010, Chị T và anh T thỏa thuận thống nhất ý để chị T nuôi con và trên cơ sở nguyện vọng của cháu N, nên giao con chung là cháu TPQN cho chị T nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Xét việc thỏa thuận giữa anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Giao con chung là cháu TPQN – sinh ngày 19/4/2010 cho chị PTT nuôi dưỡng đến khi trưởng thành hoặc khi anh T có yêu cầu khác.

Không ai được ngăn cản quyền gấp gờ và chăm sóc con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.
- Về tài sản chung, riêng, nợ chung: Các đương sự đều thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết
- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị PTT là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng : Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị PTT và anh TMT.
- Về con chung: Giao con chung cháu TPQN cho chị PTT trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Vì lợi ích của con khi cần thiết đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, riêng, nợ chung: Chị T và anh T thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị PTT phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003335 ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Gia lai. Chị T đã nộp đủ.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh TMT vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố D;
- Chi cục THA-DS TP.D;
- Các đương sự;
- UBND phường TN, TP.D;
- Lưu hồ sơ; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
đã ký

TỈNH GIA LAI

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU TỈNH GIA LAI.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà **Trần Thị Tố Uyên**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Doãn Thị Lệ, bà Lê Thị Toan.

Căn cứ vào Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Vào hồi 09 giờ 15 phút, ngày 31 tháng 8 năm 2017 Tại phòng nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm đối với vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 429/2017/TLST-HNGĐ giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Tâm – sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Tổ 7, phường Thắng Lợi, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Anh Trần Mạnh Tuấn – sinh năm: 1981.

Địa chỉ: 11/136 Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Sau khi nghe thư ký báo cáo danh sách những người được triệu tập có mặt, vắng mặt.

Thư ký báo cáo vắng mặt:

Bị đơn anh Trần Mạnh Tuấn, không có lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ.

Chủ tọa phiên Tòa kiểm tra căn cước của những người tham gia tố tụng có mặt.

Xác định vắng mặt:

Anh Trần Mạnh Tuấn là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, nhưng vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử thảo luận và thông qua tại phòng nghị án.

Ý kiến của Hội thẩm 1: Căn cứ vào điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự bị đơn anh Trần Mạnh Tuấn vắng mặt không có lý do, vì vậy cần phải hoãn phiên Tòa.

Ý kiến của Hội thẩm 2 và Chủ tọa phiên Tòa nhất trí với ý kiến của Hội thẩm 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 đồng ý.

Về Điều luật áp dụng (điểm, khoản, Điều của Bộ luật dân sự):

Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự hoãn phiên tòa xét xử ngày 31 tháng 8 năm 2017; Thời gian và địa điểm mở lại phiên Tòa sẽ được ấn định vào ngày 15 tháng 9 năm 2017.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 15 tháng 9 năm 2017; Tại phòng nghị án, trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia lai.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà : **Trần Thị Tố Uyên.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Doãn Thị Lệ, bà Lê Thị Toan.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 429/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2017 về yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Tâm – sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Tổ 7, phường Thắng Lợi, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Trần Mạnh Tuấn – sinh năm: 1981.

Địa chỉ: 11/136 Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.(Vắng mặt)

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1/ Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là:

Ý kiến hội thẩm 1:

Tranh chấp về hôn nhân gia đình, nguyên đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con.

Ý kiến hội thẩm 2 và Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:

Nhất trí với ý kiến hội thẩm 1.

(Biểu quyết: 03/03 đồng ý).

Ý kiến hội thẩm 2:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Tâm và anh Trần Mạnh Tuấn.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Tâm và anh Trần Mạnh Tuấn.

- Về con chung: Giao con chung cháu Trần Phạm Quỳnh Nhi cho chị Phạm Thị Tâm trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Ý kiến hội thẩm 1 và Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:

Nhất trí ý kiến hội thẩm 2.

(Biểu quyết: 03/03 đồng ý).

2/ Điều luật áp dụng:

Ý kiến hội thẩm 1 và Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng : Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Ý kiến hội thẩm 2:

Nhất trí ý kiến của hội thẩm 1 và Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

(Biểu quyết: 03/03 đồng ý).

3/ Một số vấn đề khác:

Ý kiến hội thẩm 1:

Vì lợi ích của con khi cần thiết đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Chị Tâm, anh Tuấn thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Tâm phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003335 ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia lai.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh Trần Mạnh Tuấn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Ý kiến hội thẩm 2 và Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:

Nhất trí với ý kiến hội thẩm 1.

(Biểu quyết: 03/03 đồng ý).

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 45 phút, ngày 15 tháng 9 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

